

Số: /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 561/TTr-SNV ngày 05 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên

quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện;

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (thông qua Sở Nội vụ).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 13 ngày 01 tháng 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (giao UBND cấp huyện y sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- TT Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 65 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

QUY CHẾ

Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung có liên quan đến tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người tham gia dự tuyển công chức cấp xã.

2. Cơ quan, tổ chức liên quan đến tuyển dụng công chức cấp xã:

a) Sở Nội vụ.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện).

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã).

d) Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã.

Điều 3. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao.

2. UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch tuyển dụng trước mỗi kỳ tuyển dụng để làm căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao và số lượng công chức cấp xã chưa sử dụng của từng chức danh công chức cấp xã;

b) Số lượng từng chức danh công chức cấp xã cần tuyển theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

c) Số lượng từng chức danh công chức cấp xã cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (nếu có) theo từng đơn vị hành chính cấp xã, trong đó xác định rõ

chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển;

d) Số lượng từng chức danh công chức cấp xã thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng: Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;

đ) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng chức danh công chức cấp xã;

e) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển;

g) Các nội dung khác nếu có.

3. Kế hoạch tuyển dụng khi xét tuyển đối với nhóm đối tượng là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức); có lý lịch rõ ràng;

d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;

đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển: UBND cấp xã báo cáo, đề xuất UBND cấp huyện quyết định các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, phù hợp với khung năng lực vị trí công chức cấp xã nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo.

2. Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

4. Ngoài các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã cần đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với từng chức danh công chức cấp xã theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong; Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

Điều 6. Thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

Chương II

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

VÀ CÁC BAN GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG

Điều 7. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã (Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển). Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;
- b) Phó Chủ tịch hội đồng là Trưởng hoặc Phó Trưởng Phòng Nội vụ cấp huyện;
- c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện được giao tham mưu về quản lý, sử dụng công chức cấp xã;
- d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cấp huyện; UBND cấp xã có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của UBND cấp huyện hoặc Phòng Nội vụ, do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

3. Các nội dung khác của Hội đồng tuyển dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Ban đề thi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Ban coi thi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Ban phách thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế ban hành kèm

theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Ban chấm thi thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Ban chấm phúc khảo thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

6. Ban kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

7. Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

8. Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

9. Tổ in sao đề thi thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Mục 2

THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 10. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Trường hợp UBND cấp huyện chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy;

b) Nội dung, thời gian và số lượng câu hỏi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

c) Xác định kết quả thi vòng 1: Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng trong bài thi. Thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên thì đủ điều kiện để tiếp tục dự thi vòng 2.

d) Người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP của Chính phủ, trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ thì được miễn thi vòng 1.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã

Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 3

XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 12. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

1. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 13. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã

1. Xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí công chức cấp xã cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

b) Vòng 2:

Phòng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn); thang điểm: 100 điểm.

2. Đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện việc xét tuyển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Điều 14. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã

Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 15. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 16. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Thành lập Ban kiểm phiếu đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Công tác chuẩn bị kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Công tác xây dựng đề thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Tổ chức khai mạc: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

6. Tổ chức họp Ban coi thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

7. Cách bố trí, sắp xếp phòng thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

8. Tổ chức thi tuyển:

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của UBND cấp huyện. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

b) Cách thức tổ chức thi trắc nghiệm tại vòng 1: Do Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

c) Tổ chức thi vòng 1:

Trường hợp UBND cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp UBND cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

d) Tổ chức thi vòng 2: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

9. Tổ chức xét tuyển: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 17. Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

1. Nguyên tắc của việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, đáp án thi trên máy vi tính: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Trách nhiệm của giám thị phòng thi, giám thị hành lang: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Quyền của người dự thi khi thi trắc nghiệm trên máy vi tính: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Giải quyết kiến nghị về bài thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 18. Thi trắc nghiệm trên giấy, thi viết, thi phỏng vấn, thực hành

1. Công tác chuẩn bị đề thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Giấy làm bài thi, giấy nháp: Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Xác nhận tình trạng đề thi và mở đề thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Cách tính thời gian làm bài thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Coi thi và thu bài thi viết, thi trắc nghiệm trên giấy: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

6. Chấm thi viết, thi trắc nghiệm trên giấy: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

7. Chấm phúc khảo thi viết, thi trắc nghiệm trên giấy: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

8. Xử lý kết quả thi sau khi có kết quả phúc khảo: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của

Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

9. Chấm điểm phỏng vấn, thực hành, bảo vệ đề án: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

10. Ghép phách và tổng hợp kết quả thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 19. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã

Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 20. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã

Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 21. Quyết định tuyển dụng và nhận việc

Quyết định tuyển dụng và nhận việc: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Đối tượng tiếp nhận: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận:

Căn cứ yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển.

b) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã phải có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển và không phải thành lập Hội đồng

kiểm tra sát hạch.

3. Hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

a) Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, vào làm công chức cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí chức danh công chức cần tuyển;

Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận;

Báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

c) Nội dung sát hạch phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển để xây dựng. Hình thức sát hạch là phỏng vấn hoặc viết hoặc kết hợp phỏng vấn và viết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch chịu trách nhiệm xây dựng nội dung sát hạch, đề xuất hình thức và cách thức xác định kết quả sát hạch, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch.

d) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người được tiếp nhận vào làm công chức cấp xã hoặc của bên vợ (chồng) của người được tiếp nhận vào làm công chức cấp xã; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người được tiếp nhận vào làm công chức cấp xã hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Mục 5

CÔNG TÁC KHÁC TRONG KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 23. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ tuyển dụng công chức cấp xã

Giải quyết khiếu nại tố cáo trong kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 25. Lưu trữ tài liệu

Lưu trữ tài liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương III

TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 26. Chế độ tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự được thực hiện như sau:

a) 12 tháng đối với công chức cấp xã được tuyển dụng có trình độ đào tạo đại học trở lên; 06 tháng đối với công chức cấp xã được tuyển dụng có trình độ đào tạo dưới đại học. Không thực hiện chế độ tập sự đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

b) Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

Trường hợp người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi người được tuyển dụng vào công chức cấp xã đang thực hiện chế độ tập sự đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự.

3. Nội dung tập sự và các quy định khác liên quan đến tập sự thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 27. Hướng dẫn tập sự

Hướng dẫn tập sự: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 28. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và hướng dẫn tập sự

Chế độ, chính sách đối với người tập sự và hướng dẫn tập sự: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Công nhận công chức cấp xã hết thời gian tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại Điều 26 Quy chế này; người hướng dẫn

tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi Chủ tịch UBND cấp xã.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, Chủ tịch UBND cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng.

Điều 30. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự: Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện Quy chế này. Thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã của UBND cấp huyện.

b) Hàng năm tổng hợp kết quả tuyển dụng công chức cấp xã báo cáo UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Các sở, ban, ngành của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến việc tuyển dụng công chức cấp xã có trách nhiệm phối hợp Sở Nội vụ, UBND cấp huyện thực hiện quy chế này.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm trình UBND cấp huyện. Trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã, UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch tuyển dụng, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển và tổ chức tuyển dụng theo quy định tại Quy chế này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện quy chế tuyển dụng công chức cấp xã cho UBND tỉnh qua Sở Nội vụ.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã: Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã theo từng vị trí chức danh, báo cáo UBND cấp huyện để tổng hợp, ban hành kế hoạch và tổ chức tuyển dụng.

Điều 32. Kinh phí tổ chức tuyển dụng

Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này, trường hợp có vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. Trường hợp các văn bản viện dẫn được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định mới; trường hợp quy định tại Quy chế này không còn phù hợp văn bản pháp luật mới nhưng chưa kịp sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật mới./.